

Số: /2016/TTLT-TANDTC-BNG

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định về việc phối hợp giữa Tòa án nhân dân và Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài để tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự ở nước ngoài trong các vụ việc dân sự và vụ án hành chính

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật tố tụng hành chính ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành Thông tư liên tịch quy định về việc phối hợp giữa tòa án nhân dân và cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài để tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự ở nước ngoài trong các vụ việc dân sự và vụ án hành chính.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định về việc phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Tòa án nhân dân, Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài để tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm d khoản 1 Điều 303 của Luật tố tụng hành chính và khoản 13 Điều 8 của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này áp dụng đối với việc tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự ở nước ngoài trong các vụ việc dân sự và vụ án hành chính khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Đương sự là công dân Việt Nam, người nước ngoài cư trú, cơ quan, tổ chức nước ngoài có trụ sở tại nước mà nước đó không phản đối cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án Việt Nam cho các đương sự đó.

2. Tòa án của Việt Nam không được phép tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự theo đường bưu chính đã được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 474 của Bộ

luật tố tụng dân sự hoặc điểm c khoản 1 Điều 303 của Luật tố tụng hành chính do nước nơi đương sự cư trú hoặc có trụ sở phản đối nước khác tổng đạt văn bản tố tụng theo đường bưu chính cho các đương sự đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư liên tịch này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận là cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan đại diện lãnh sự.

2. Cơ quan đại diện ngoại giao là Đại sứ quán; Cơ quan đại diện lãnh sự là Tổng Lãnh sự quán và Lãnh sự quán.

3. Người nước ngoài là công dân của quốc gia tiếp nhận, người không quốc tịch và công dân nước khác cư trú tại quốc gia tiếp nhận mà quốc gia này không phản đối cách thức tổng đạt thông qua cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam.

4. Người có nghĩa vụ chịu chi phí tổng đạt văn bản tố tụng là đương sự quy định tại Điều 152 và Điều 153 của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Chi phí tổng đạt văn bản tố tụng là các chi phí sau đây:

a) Chí phí để Tòa án gửi văn bản tố tụng theo đường bưu chính đến cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận;

b) Chí phí để cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận gửi văn bản tố tụng theo đường bưu chính cho đương sự cư trú hoặc có trụ sở tại quốc gia đó;

c) Chi phí do ngân hàng thu khi người có nghĩa vụ chịu chi phí tổng đạt nộp tiền vào tài khoản của cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận;

d) Chi phí dịch, công chứng bản dịch hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự là người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài;

đ) Lệ phí tổng đạt theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 4. Thẩm quyền tổng đạt văn bản tố tụng

Cơ quan có thẩm quyền tổng đạt văn bản tố tụng là Tòa án nhân dân các cấp. Trong trường hợp Viện kiểm sát nhân dân ban hành các văn bản tố tụng liên quan đến đương sự ở nước ngoài, thì Viện kiểm sát đã ban hành văn bản tố tụng áp dụng các quy định của Thông tư liên tịch này để tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự ở nước ngoài.

Điều 5. Hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng

1. Hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng gồm có các văn bản sau đây:

a) Văn bản đề nghị tổng đạt văn bản tố tụng và thông báo kết quả thực hiện tổng đạt được lập theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

b) Văn bản tố tụng cần phải tổng đạt;

c) Văn bản thông báo cho đương sự gửi lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án (nếu có);

d) Văn bản mà đương sự ở trong nước đề nghị Tòa án hỗ trợ gửi cho đương sự ở nước ngoài (nếu có);

đ) Chứng từ nộp tiền vào tài khoản ngân hàng nơi cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận mở tài khoản.

2. Họ, tên, địa chỉ của đương sự trong văn bản quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều này phải được ghi đầy đủ, cụ thể, chi tiết theo đúng tài liệu, giấy tờ xác thực họ, tên, địa chỉ mà người khởi kiện, người yêu cầu hoặc đương sự khác cung cấp cho Tòa án.

3. Trường hợp cần phải tổng đạt cho một hoặc nhiều đương sự có địa chỉ khác nhau, thì hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng phải được lập theo từng địa chỉ của đương sự. Họ, tên, địa chỉ của đương sự phải được ghi đúng theo giấy tờ, tài liệu xác thực do người khởi kiện, người yêu cầu hoặc đương sự khác cung cấp cho Tòa án. Tòa án không được phiên âm ra tiếng Việt đối với họ, tên, địa chỉ ghi bằng tiếng nước ngoài của đương sự.

Điều 6. Dịch hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng

1. Tòa án có trách nhiệm dịch hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng tại tổ chức dịch thuật ở trong nước.

2. Tòa án chỉ yêu cầu dịch các văn bản, giấy tờ quy định tại điểm b, c và d khoản 1 Điều 5 của Thông tư liên tịch này. Văn bản, giấy tờ phải được dịch ra ngôn ngữ chính thức hoặc ngôn ngữ mà nước nơi đương sự cư trú hoặc có trụ sở chấp nhận.

3. Số lượng hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng cần phải dịch ra tiếng nước ngoài là 02 bộ. Tòa án lưu 01 bộ hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng đã được dịch ra tiếng nước ngoài vào hồ sơ vụ việc dân sự, vụ án hành chính.

Điều 7. Thông báo về chi phí tổng đạt và cách thức thu chi phí tổng đạt văn bản tố tụng tại cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận

1. Cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận đăng tải thông tin về chi phí tổng đạt hồ sơ văn bản tố tụng theo đường bưu chính ở quốc gia đó trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình và Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao.

Trong trường hợp chi phí tổng đạt theo đường bưu chính chưa được cập nhật trên cổng thông tin điện tử của Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao, thì Tòa án lập văn bản đề nghị cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận nơi đương sự cư trú hoặc có trụ sở cung cấp thông tin về chi phí tổng đạt. Tòa án gửi văn bản cho cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận thông qua hộp thư điện tử hoặc số máy Fax của cơ quan này đã được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Tòa án, cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận thông báo chi phí thông qua hộp thư điện tử hoặc số máy Fax của Tòa án đã đề nghị cung cấp thông tin.

2. Cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận mở tài khoản tại ngân hàng để thực hiện việc thu, thanh toán chi phí tổng đạt văn bản tố tụng theo đường bưu chính tại quốc gia tiếp nhận. Sau khi mở tài khoản, cơ quan đại diện của Việt Nam tại quốc gia tiếp nhận công bố thông tin về số tài khoản, tên, địa chỉ ngân hàng nơi mở tài khoản trên công thông tin điện tử của Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao.

Phương án hai: chỉ mở một tài khoản ngân hàng (đề nghị Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao cho ý kiến về hai phương án này).

Điều 8. Nộp tiền tạm ứng, chi phí tổng đạt văn bản tố tụng

1. Trường hợp đương sự là công dân Việt Nam ở nước ngoài, thì sau khi lập hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng, Tòa án thông báo bằng văn bản cho người có nghĩa vụ chịu chi phí tổng đạt văn bản tố tụng để họ đến Tòa án nộp tiền tạm ứng và thanh toán chi phí tổng đạt ở trong nước và ở nước ngoài. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

a) Số tiền tạm ứng phải nộp để Tòa án gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng bằng dịch vụ bưu chính ở trong nước đến cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận;

b) Số tiền phải nộp vào tài khoản, số tài khoản, địa chỉ của ngân hàng nơi cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận mở tài khoản;

c) Thời hạn nộp tiền tạm ứng tại Tòa án và nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận;

d) Người có nghĩa vụ nộp chi phí tổng đạt văn bản tố tụng không được tính chi phí chuyển tiền mà ngân hàng thu vào khoản tiền mà họ nộp vào tài khoản của cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận.

2. Trường hợp đương sự là người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, thì cùng với các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án còn phải thông báo cho người có nghĩa vụ chịu chi phí tổng đạt biết về mức tiền tạm ứng, thời hạn nộp tiền tạm ứng để dịch, công chứng bản dịch hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này, người có nghĩa vụ chịu chi phí tổng đạt phải hoàn thành việc nộp tiền vào tài khoản của cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận và đến Tòa án để nộp tiếp tiền tạm ứng chi phí tổng đạt.

4. Khi đến Tòa án nộp tiền tạm ứng chi phí tổng đạt, người có nghĩa vụ chịu chi phí tổng đạt phải mang theo chứng từ của ngân hàng xác nhận đã nộp tiền vào tài khoản của cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận.

5. Khi nhận được chứng từ nộp tiền vào tài khoản ngân hàng quy định tại khoản 4 Điều này, Tòa án có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu khoản tiền mà đương sự đã nộp với số tiền cần phải nộp vào tài khoản ngân hàng của cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận. Trong trường hợp phát hiện thấy đương sự chưa nộp đủ số tiền cần phải nộp vào tài khoản ngân hàng, thì Tòa án yêu cầu đương sự nộp bổ sung số tiền còn thiếu.

Chương II

THỦ TỤC GỬI, TIẾP NHẬN HỒ SƠ TỔNG ĐẠT VĂN BẢN TỔ TỤNG

Điều 9. Thủ tục gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng cho cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận

1. Tòa án gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng cho cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận theo dịch vụ bưu phẩm bảo đảm quốc tế có chuyển hoàn kết quả sau khi nhận hồ sơ tổng đạt đã được dịch từ tổ chức dịch thuật hoặc sau khi người có nghĩa vụ chịu chi phí tổng đạt nộp đầy đủ tiền tạm ứng và chi phí tổng đạt theo quy định tại Điều 8 của Thông tư liên tịch này trong trường hợp đương sự là công dân Việt Nam.

2. Tòa án thanh toán chi phí gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng cho tổ chức bưu chính ở trong nước từ khoản tiền tạm ứng mà người có nghĩa vụ chịu chi phí tổng đạt đã nộp cho Tòa án.

Điều 10. Trình tự, thủ tục nhận và gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng tại cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 9 của Thông tư liên tịch này, cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận giải quyết như sau:

- a) Kiểm tra và vào sổ hồ sơ tổng đạt đã nhận được;
- b) Kiểm tra, đối chiếu khoản tiền đã nhận được với chứng từ nộp tiền vào tài khoản ngân hàng được gửi kèm trong hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng;
- c) Chứng thực bản sao từ bản chính các văn bản quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 5 của Thông tư liên tịch này để thực hiện niêm yết công khai theo yêu cầu của Tòa án trong trường hợp không nhận được kết quả chuyển giao hồ sơ từ tổ chức bưu chính ở quốc gia nước tiếp nhận.
- d) Chuyển hồ sơ tổng đạt cho đương sự tại quốc gia tiếp nhận theo dịch vụ bưu chính thư bảo đảm có chuyển hoàn kết quả.

2. Trường hợp sau khi nhận được hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng mà phát hiện thấy địa chỉ của đương sự không đủ chi tiết đến mức không thể thực hiện được việc tổng đạt hoặc địa chỉ đó không có thật hoặc họ, tên, địa chỉ ở nước ngoài của đương sự được phiên âm ra tiếng Việt, thì cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận tạm dừng việc tổng đạt hồ sơ và thông báo bằng Fax hoặc thư điện tử cho Tòa án đã gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng về các sai sót này để lập lại hồ sơ mới. Sau khi nhận được hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng thay thế, cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận gửi hồ sơ đó cho đương sự theo phương thức quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

Chương III

THÔNG BÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN TỔNG ĐẠT, NIÊM YẾT CÔNG KHAI, THÔNG BÁO TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ VÀ XỬ LÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TỔNG ĐẠT VĂN BẢN TỔ TỤNG

Điều 11. Thông báo kết quả thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của tổ chức bưu chính ở quốc gia tiếp nhận xác nhận đã hoàn thành hoặc không thực hiện được việc giao hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia đó lập thông báo kết quả tổng đạt và gửi cùng văn bản của tổ chức bưu chính cho Tòa án đã gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng.

2. Trường hợp nhận được văn bản của Tòa án đã gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của Thông tư liên tịch này đề nghị cung cấp kết quả thực hiện việc tổng đạt theo quy định tại khoản 4 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự hoặc khoản 4 Điều 305 của Luật tố tụng hành chính, thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Tòa án, cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận yêu cầu tổ chức bưu chính ở nước đó cung cấp thông tin về việc chuyển giao hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng. Ngay sau khi nhận được thông báo của tổ chức bưu chính về việc chuyển giao hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng, cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận lập văn bản và gửi kèm thông báo của tổ chức bưu chính cho Tòa án đã đề nghị cung cấp kết quả thực hiện việc tổng đạt.

3. Trường hợp cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận đã yêu cầu tổ chức bưu chính cung cấp thông tin về việc chuyển giao hồ sơ văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều này nhưng đã quá thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày yêu cầu mà không nhận được văn bản trả lời của tổ chức bưu chính, thì cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận lập văn bản thông báo cho Tòa án đề nghị cung cấp kết quả thực hiện việc tổng đạt về công việc đã thực hiện.

4. Thông báo của cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này được lập theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

Điều 12. Niêm yết công khai hồ sơ văn bản tố tụng và thông báo trên cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận

1. Trường hợp nhận được văn bản của Tòa án đã gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng đề nghị niêm yết công khai hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng và thông báo trên cổng thông tin điện tử theo quy định tại khoản 3 Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự hoặc khoản 3 Điều 303 của Luật tố tụng hành chính, thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Tòa án, cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận tiến hành niêm yết công khai hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng tại trụ sở và công bố việc niêm yết công khai hồ sơ tổng đạt trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình (nếu có). Thời hạn niêm yết công khai hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng là 01 tháng, kể từ ngày niêm yết. Hết thời hạn này, cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận

thông báo cho Tòa án biết về công việc đã thực hiện theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

2. Trường hợp trong vụ án ly hôn giữa nguyên đơn là công dân Việt Nam với người nước ngoài đang cư trú ở nước ngoài mà Tòa án đã yêu cầu xác minh địa chỉ của người nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 473 của Bộ luật tố tụng dân sự và đã yêu cầu nguyên đơn và người thân thích trong nước của đương sự ở nước ngoài (nếu có) cung cấp địa chỉ đúng hoặc địa chỉ mới của đương sự ở nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 477 của Bộ luật này nhưng không có kết quả, thì theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án lập văn bản đề nghị thông báo về việc giải quyết vụ án ly hôn trên cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận nơi người nước ngoài có quốc tịch hoặc nơi người nước ngoài đã cư trú.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Tòa án, cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận tiến hành công bố về việc giải quyết vụ án trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình. Thời hạn công bố là 01 tháng, kể từ ngày công bố. Hết thời hạn này, cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận lập và gửi thông báo cho Tòa án biết về công việc đã thực hiện theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

Điều 13. Xử lý kết quả tổng đạt tại Tòa án đã gửi hồ sơ tổng đạt

Sau khi nhận được thông báo từ cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận theo quy định tại Điều 11 hoặc Điều 12 của Thông tư liên tịch này, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ việc dân sự hoặc vụ án hành chính theo quy định tại Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự hoặc Điều 305 của Luật tố tụng hành chính.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

Điều 14. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao

1. Hướng dẫn Tòa án nhân dân các cấp thực hiện công tác tổng đạt văn bản tố tụng thông qua cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao rà soát, tổng kết tình hình thực hiện công tác tổng đạt văn bản tố tụng tại Tòa án nhân dân và cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao tổ chức các lớp bồi dưỡng pháp luật tố tụng, hướng dẫn nghiệp vụ cho các cán bộ, Thẩm phán của Tòa án nhân dân và cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận thực hiện công tác tổng đạt văn bản tố tụng.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao tổ chức các cuộc họp định kỳ để trao đổi thông tin, thảo luận, quyết định các biện pháp phối hợp giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện công tác tổng đạt văn bản tố tụng.

5. Phối hợp với Bộ Ngoại giao tổ chức đoàn liên ngành kiểm tra việc thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng tại các cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận.

6. Cập nhật và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao về danh sách các quốc gia tiếp nhận cho phép cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự là công dân quốc gia đó và công dân của quốc gia khác cư trú, cơ quan, tổ chức nước ngoài có trụ sở tại quốc gia tiếp nhận.

7. Thông báo cho Bộ Tư pháp về kết quả thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng cho công dân nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài theo quy định tại Thông tư liên tịch này khi có đề nghị.

Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

1. Hướng dẫn, đôn đốc cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng theo đề nghị của Tòa án nhân dân các cấp và cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền.

2. Phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao tổ chức các lớp bồi dưỡng pháp luật tố tụng, hướng dẫn nghiệp vụ cho các cán bộ cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận thực hiện công tác tổng đạt văn bản tố tụng.

3. Chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao tổ chức đoàn liên ngành kiểm tra việc thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng tại các cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận.

4. Phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao tổ chức các cuộc họp định kỳ để trao đổi thông tin, thảo luận, quyết định các biện pháp phối hợp giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện công tác tổng đạt văn bản tố tụng.

5. Chỉ đạo cập nhật thông tin về địa chỉ, cách thức liên hệ với các cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận trên cổng thông tin điện tử của Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao.

6. Chỉ đạo đăng tải, cập nhật thông tin về chi phí dịch vụ bưu chính để gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng ở các quốc gia tiếp nhận trên cổng thông tin điện tử của Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao.

Điều 16. Trách nhiệm của cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận

1. Thực hiện công tác tổng đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định của Thông tư liên tịch này.

2. Đăng tải, cập nhật thông tin về chi phí dịch vụ bưu chính để gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình và Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao. Thông báo về chi phí này khi có đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng ở trong nước.

3. Định kỳ hàng năm, thông báo tình hình thực hiện công tác tổng đạt văn bản tố tụng cho Bộ Ngoại giao.

Điều 17. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân các cấp

1. Thực hiện công tác tổng đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định của Thông tư liên tịch này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Định kỳ hàng năm hoặc khi có yêu cầu, thông báo tình hình thực hiện công tác tổng đạt văn bản tố tụng cho Tòa án nhân dân tối cao.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực kể từ ngày...tháng...năm 2017.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch này, nếu có vướng mắc cần được giải thích hoặc cần sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch, thì Tòa án nhân dân các cấp, cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh với Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Ngoại giao để giải thích, sửa đổi, bổ sung kịp thời./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ NGOẠI GIAO
THỨ TRƯỞNG**

**KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN**

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Chánh án TANDTC và Bộ trưởng BNG (để b/c);
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân các cấp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao.
- Lưu: VT (TANDTC) và (BNG).

Văn bản đề nghị tổng đạt văn bản tố tụng

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số /2017/TTLT/TANDTC-BNG ngày tháng năm 2017 của Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Ngoại giao quy định về việc phối hợp giữa tòa án nhân dân và cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài để tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự ở nước ngoài trong các vụ việc dân sự và vụ án hành chính)

TÒA ÁN NHÂN DÂN (1)
.....(2)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TAND-CV
V/v tổng đạt văn bản tố tụng cho
đương sự

(3)....., ngày tháng năm

(4) Kính gửi: Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/Lãnh sự quán Việt Nam tại nước....

Tòa án nhân dân (5) đang giải quyết vụ, việc dân sự/vụ án hành chính về yêu cầu, tranh chấp (6) giữa nguyên đơn là (7) và bị đơn là (8); người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là (9).

Căn cứ quy định tại Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự (10) Điều 303 Luật tố tụng hành chính (11), Tòa án nhân dân (12) đề nghị Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/Lãnh sự quán (13) tổng đạt các văn bản có trong hồ sơ này cho đương sự là (14). Sau khi có kết quả tổng đạt, đề nghị Quý cơ quan gửi thông báo kết quả tổng đạt theo địa chỉ (15).

Trong trường hợp Quý cơ quan cần biết thêm thông tin chi tiết, thì có thể liên hệ theo số điện thoại (16); số Fax (17); email (18).

Tòa án nhân dân (19) trân trọng cảm ơn sự phối hợp trong công tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP .

THẨM PHÁN (20)

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM (21)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐSQ-CV

V/v tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự

(22)....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO XÁC NHẬN KẾT QUẢ TỔNG ĐẠT

Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/ Lãnh sự quán Việt Nam tại (23) trân trọng thông báo cho Tòa án nhân dân (24) về kết quả tổng đạt hồ sơ như sau:

1. Giấy tờ trong hồ sơ gửi kèm Công văn số /TAND-CV ngày...tháng.... năm...của Tòa án (25) đã được giao cho:	
Ông/Bà (26)	Địa chỉ: (27)
Ông/Bà (28)	Địa chỉ: (29)
Quan hệ với đương sự (30)	
Thời gian giao nhận (31)	
Địa điểm giao nhận (32)	
Cách thức giao nhận khác mà theo pháp luật nước sở tại được xác định là hoàn thành việc giao nhận hồ sơ	(33).....
2. Giấy tờ trong hồ sơ gửi kèm Công văn số /TAND-CV ngày...tháng.... năm...(34) của Tòa án (35) không thể giao được cho đương sự vì lý do sau đây:	
<input type="checkbox"/> (36)	Đương sự từ chối nhận
<input type="checkbox"/> (37)	Địa chỉ của đương sự không đúng <input type="checkbox"/> Họ tên của đương sự không đúng <input type="checkbox"/> Họ tên, địa chỉ của đương sự không đúng <input type="checkbox"/> Họ tên, địa chỉ của đương sự được phiên âm ra tiếng Việt <input type="checkbox"/> Địa chỉ không có thật
<input type="checkbox"/> (38)	Địa chỉ thiếu chi tiết:.....
<input type="checkbox"/> (39)	Đương sự không có mặt tại địa chỉ và người khác ở tại cùng địa chỉ từ chối nhận thay
<input type="checkbox"/> (40)	Đương sự đã chuyển đến địa chỉ mới nhưng không rõ địa chỉ mới
<input type="checkbox"/> (41)	Lý do khác:.....
Giấy tờ gửi kèm: (42)(43) Chữ ký, họ tên người ký và đóng dấu Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/Lãnh sự quán (44)

Hướng dẫn sử dụng Mẫu số 01

(1), (5), (12), (19) Ghi tên Tòa án đang giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính. Ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

(3) Ghi tên địa danh tỉnh, thành phố và ngày tháng năm lập Công văn. Ví dụ: Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2017.

(4), (13), (21) Ghi là Đại sứ quán Việt Nam tại nước nơi đương sự cư trú hoặc có trụ sở. Trong trường hợp vừa có Đại sứ quán, Tổng lãnh sự quán của Việt Nam tại nước đó, thì có thể ghi Đại sứ quán hoặc Tổng Lãnh sự quán. Tuy nhiên, cần lưu ý Đại sứ quán và Tổng Lãnh sự quán thường không có trụ sở cùng tại một tiểu bang hoặc một khu vực hành chính của một nước. Do đó, Tòa án cần cân nhắc khoảng cách địa lý giữa địa chỉ của đương sự với địa chỉ của Đại sứ quán hoặc Tổng Lãnh sự quán để yêu cầu một trong hai cơ quan này thực hiện việc tổng đạt. Ví dụ: tại Hoa Kỳ, có cả Đại sứ quán Việt Nam tại tiểu bang Washington và các Tổng Lãnh sự quán tại tiểu bang Texas và tiểu bang California. Nếu đương sự cư trú tại một trong các tiểu bang trên, thì Tòa án ghi tên của cơ quan đại diện của Việt Nam ở Hoa Kỳ tương ứng. Nếu địa chỉ của đương sự không thuộc cả tiểu bang nêu trên, thì Tòa án ghi tên cơ quan đại diện của Việt Nam ở Hoa Kỳ gần nhất với địa chỉ của đương sự. Tòa án có thể tìm kiếm thông tin trên mạng Internet để xác định khoảng cách địa lý giữa địa chỉ đương sự với Đại sứ quán hoặc Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại một nước.

(15) Ghi địa chỉ cụ thể của Tòa án. Ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, 43 Hai Bà Trưng, Hà Nội.

(6) Ghi rõ và ngắn gọn nội dung vụ việc, vụ án hành chính. Ví dụ: tranh chấp về tài sản; ly hôn; bồi thường thiệt hại...

(7), (8), (9) ghi họ, tên, địa chỉ của các đương sự.

(10), (11) Chỉ ghi một trong hai điều luật.

(14) Ghi họ tên, địa chỉ đương sự cần được tổng đạt. Họ tên của đương sự phải ghi đầy đủ. Địa chỉ của đương sự phải ghi đầy đủ thông tin: số nhà, tên đường phố, thành phố, tên tiểu bang (nếu là nước liên bang), mã vùng điện thoại, tên nước. Ví dụ: nếu họ tên, địa chỉ của đương sự là Ông John Smith, 22 Balmoral Avenue, Springvale, 3171, Melbourne, Victoria, 3171, Australia thì phải ghi đầy đủ tất cả thông tin này, trong đó John Smith là họ tên của đương sự; 22 Balmoral Avenue là số nhà và phố; Springvale là tên vùng và 3171 là mã số điện thoại của vùng Springvale; Melbourne là thành phố; Victoria là tên tiểu bang; Australia là tên nước. Trong mọi trường hợp không được phiên âm ra tiếng Việt nếu họ, tên, địa chỉ của đương sự được ghi bằng tiếng nước ngoài.

(16), (17), (18) Ghi số điện thoại, số Fax, email để liên hệ.

(20) Tên Thẩm phán được phân công giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính

(21), (23), (24) Ghi tên Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/Lãnh sự quán và Tòa án giải quyết vụ việc. Tòa án điền sẵn các mục này.

(25), (34), (35) Tòa án điền sẵn nội dung này. Ví dụ: Công văn số 12/TAND-CV ngày 12/03/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (là Công văn ở mặt trước của Mẫu số 01 này).

(26), (27). Tòa án điền sẵn họ tên địa chỉ của đương sự cần được tổng đạt. Ghi tương tự hướng dẫn tại mục số (14).

(28), (29), (30). Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/Lãnh sự quán điền nội dung này trong trường hợp hồ sơ tổng đạt được bưu chính nước sở tại giao cho người khác (người ở cùng hoặc người thân thích của đương sự cần được tổng đạt).

(31), (32) Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/Lãnh sự quán ghi rõ ngày tháng năm và địa điểm mà tổ chức bưu chính nước sở tại giao hồ sơ cho đương sự hoặc người khác nhận thay. Ví dụ: Mục **(31)** ghi ngày 12/4/2017; Mục **(32)** ghi giao tận tay có ký nhận.

(33). Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/Lãnh sự quán điền phần này theo thông tin mà tổ chức bưu chính nước sở tại cung cấp. Ví dụ: để hồ sơ lại đồn cảnh sát; để lại hộp thư tại địa chỉ cư trú của đương sự...

(36), (37), (39), (40). Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/Lãnh sự quán đánh dấu vào ô tương ứng theo thông tin mà tổ chức bưu chính nước sở tại cung cấp.

(38), (41) Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/Lãnh sự quán điền nội dung này (nếu có).

(42). Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/Lãnh sự quán điền nội dung này. Ví dụ: văn bản của tổ chức bưu chính xác nhận đã hoàn thành hoặc không giao được hồ sơ cho đương sự.

(43), (44) Chức vụ, chữ ký, họ tên của người có thẩm quyền của Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/Lãnh sự quán.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/TAND-CV

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2017

V/v tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự

Kính gửi: Đại sứ quán Việt Nam tại Ôt-xtrây-li-a

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đang giải quyết vụ án ly hôn giữa nguyên đơn là Ông Nguyễn Văn A, địa chỉ thường trú tại 12 phố Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội; địa chỉ tạm trú tại 23 phố Hai Bà Trưng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và bị đơn là bà Nguyễn Thị B, cư trú tại địa chỉ: 5 Holtermann Place, Charnwood, Canberra, ACT 2165, Australia.

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Đại sứ quán tổng đạt các văn bản có trong hồ sơ này cho đương sự là bà Nguyễn Thị B, cư trú tại địa chỉ: 5 Holtermann Place, Charnwood, Canberra, ACT, 2165, Australia. Sau khi có kết quả tổng đạt, đề nghị Quý cơ quan gửi thông báo kết quả tổng đạt theo địa chỉ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, số 43 Hai Bà Trưng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Trong trường hợp Quý cơ quan cần biết thêm thông tin chi tiết, thì có thể liên hệ theo số điện thoại +84.4.62739451 (đ/c Hà Minh Tuấn); số Fax: +84.4.62739455; email: tahn@toaan.gov.vn.

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội trân trọng cảm ơn sự phối hợp trong công tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP .

THẨM PHÁN

Hà Minh Tuấn

**ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM
TẠI ÔT-XTRÂY-LI-A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:115/ĐSQ-CV

Can-bê-ra, ngày 20 tháng 6 năm 2017

V/v tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự

THÔNG BÁO XÁC NHẬN KẾT QUẢ TỔNG ĐẠT

Đại sứ quán Việt Nam tại Ôt-xtrây-li-a trân trọng thông báo cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về kết quả tổng đạt hồ sơ như sau:

1. Giấy tờ trong hồ sơ gửi kèm Công văn số 12/TAND-CV ngày 12 tháng 05 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã được giao cho:	
Bà: Nguyễn Thị B	Địa chỉ: 5 Holtermann Place, Charnwood, Canberra, ACT, 2165, Australia
Ông/Bà	Địa chỉ:
Quan hệ với đương sự	
Thời gian giao nhận	Ngày 15 tháng 6 năm 2017
Địa điểm giao nhận	Tại địa chỉ cư trú nêu trên của bà Nguyễn Thị B
Cách thức giao nhận khác mà theo pháp luật nước sở tại được xác định là hoàn thành việc giao nhận hồ sơ
2. Giấy tờ trong hồ sơ gửi kèm Công văn số 12/TAND-CV ngày 12 tháng 05 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội không thể giao được cho đương sự vì lý do sau đây:	
<input type="checkbox"/>	Đương sự từ chối nhận
<input type="checkbox"/>	Địa chỉ của đương sự không đúng
<input type="checkbox"/>	Họ tên của đương sự không đúng
<input type="checkbox"/>	Họ tên, địa chỉ của đương sự không đúng
<input type="checkbox"/>	Họ tên, địa chỉ của đương sự được phiên âm ra tiếng Việt
<input type="checkbox"/>	Địa chỉ không có thật
<input type="checkbox"/>	Địa chỉ thiếu chi tiết:.....
<input type="checkbox"/>	Đương sự không có mặt tại địa chỉ và người khác ở tại cùng địa chỉ từ chối nhận thay
<input type="checkbox"/>	Đương sự đã chuyển đến địa chỉ mới nhưng không rõ địa chỉ mới
<input type="checkbox"/>	Lý do khác:
Giấy tờ gửi kèm: - Văn bản của bưu chính tại Can-bê-ra	TL. ĐẠI SỨ BÍ THƯ THỨ NHẤT Lê Tuấn Hưng

Văn bản đề nghị niêm yết công khai và thông báo trên cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số /2017/TTLT/TANDTC-BNG ngày tháng năm 2017 của Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Ngoại giao quy định về việc phối hợp giữa tòa án nhân dân và cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài để tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự ở nước ngoài trong các vụ việc dân sự và vụ án hành chính)

TÒA ÁN NHÂN DÂN (1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TAND-CV

V/v niêm yết công khai văn bản tố tụng

(3)....., ngày tháng năm

(4) Kính gửi: Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/Lãnh sự quán Việt Nam tại nước....

Tòa án nhân dân (5) đang giải quyết vụ, việc dân sự/vụ án hành chính về yêu cầu, tranh chấp (6) giữa nguyên đơn là (7) và bị đơn là (8); người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là (9).

Ngày... tháng...năm...Tòa án nhân dân (10) đã có Công văn số.../TAND-CV gửi kèm hồ sơ đề nghị Quý cơ quan tổng đạt cho đương sự là (11).

Ngày...tháng...năm...Tòa án nhân dân (12) đã nhận được Thông báo số ngày...tháng...năm...của Quý cơ quan về việc không nhận được kết quả giao nhận hồ sơ cho đương sự (13) từ tổ chức bưu chính nước sở tại.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 303 Luật tố tụng hành chính (14), Tòa án nhân dân (15) đề nghị Quý cơ quan (16) niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại trụ sở (17) và thông báo về việc giải quyết vụ việc trên cổng thông tin điện tử của mình. Hết thời hạn 01 tháng, kể từ ngày niêm yết công khai, đề nghị Quý cơ quan gửi thông báo kết quả công việc đã thực hiện cho Tòa án theo địa chỉ (18).

Trong trường hợp Quý cơ quan cần biết thêm thông tin chi tiết, thì có thể liên hệ theo số điện thoại (19); số Fax (20) và email (21).

Tòa án nhân dân (22) trân trọng cảm ơn sự phối hợp trong công tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP .

THẨM PHÁN (23)

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM (24)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐSQ-CV

V/v tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự

(25)....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ NIÊM YẾT CÔNG KHAI VÀ CÔNG BỐ TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/ Lãnh sự quán Việt Nam tại (26) trân trọng thông báo cho Tòa án nhân dân (27) về kết quả niêm yết công khai và thông báo trên công thông tin điện tử về việc giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính (28) như sau:

1. Ngày tháng năm (29) Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/ Lãnh sự quán đã nhận được Công văn số /TAND-CV ngày...tháng...năm...của Tòa án nhân dân (30) đề nghị niêm yết công khai văn bản tố tụng và thông báo trên công thông tin điện tử về việc giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính (31) đối với:	
Ông/Bà (32)	Địa chỉ: (33)
Và	
Ông/Bà (34)	Địa chỉ: (35)
2. Ngày....tháng....năm....(36) Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/ Lãnh sự quán (37) đã tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng và và thông báo trên công thông tin điện tử về việc giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính (38). Thời gian niêm yết công khai tại trụ sở: từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm (39) Thời gian thông báo trên công thông tin điện tử: từ ngày...tháng...năm...đến ngày...tháng... năm....(40)	
3. Kết quả	
<input type="checkbox"/> (41)	Đương sự không đến Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/ Lãnh sự quán (42) nhận văn bản tố tụng
<input type="checkbox"/> (43)	Đương sự đã đến Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/ Lãnh sự quán (44) nhận văn bản tố tụng
Giấy tờ gửi kèm: (45)(46) Chữ ký, họ tên người ký và đóng dấu Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/Lãnh sự quán (47)

Hướng dẫn sử dụng Mẫu số 02

Việc lập văn bản theo Mẫu số 02 tương tự cách thức lập văn bản theo Mẫu số 01. Khi lập Mẫu Thông báo kết quả niêm yết công khai, Tòa án điền sẵn các mục (24), (26), (27), (28), (30), (31), (32), (33), (34), (35), (37), (38), (42) và (44). Các mục còn lại do cơ quan đại diện của Việt Nam điền sau khi thực hiện công việc mà Tòa án đề nghị.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 123/TAND-CV

Hòa Bình, ngày 05 tháng 05 năm 2017

V/v niêm yết công khai văn bản tố tụng

Kính gửi: Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Xan Phran-xít-xcô, Hoa

Kỳ

Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đang giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp quyền sở hữu tài sản giữa nguyên đơn là Ông Trần Văn A, thường trú tại 25 Cù Chính Lan, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình và bị đơn là Ông Trần Văn B, cư trú tại 16670 Century Plant Road, Apple Valley, California, 92307, United States.

Ngày 02 tháng 03 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã có Công văn số 123/TAND-CV gửi kèm hồ sơ đề nghị Quý cơ quan tổng đạt cho đương sự là Ông Trần Văn B, cư trú tại 16670 Century Plant Road, Apple Valley, California, 92307, United States.

Ngày 28 tháng 4 năm 2017 Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã nhận được thông báo số 345/CV-LS ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Quý cơ quan về việc không nhận được kết quả giao nhận hồ sơ cho đương sự Trần Văn B từ tổ chức bưu chính nước sở tại.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đề nghị Quý cơ quan niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại trụ sở và thông báo về việc giải quyết vụ án trên cổng thông tin điện tử của mình. Hết thời hạn 01 tháng, kể từ ngày niêm yết công khai, đề nghị Quý cơ quan gửi thông báo kết quả công việc đã thực hiện cho Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình theo địa chỉ: Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, số 105, đường Trần Hưng Đạo, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình.

Trong trường hợp Quý cơ quan cần biết thêm thông tin chi tiết, thì có thể liên hệ theo số điện thoại: +84.218. 3853309 (đ/c Lê Văn Lương); số Fax: +84.218. 3853308 và email: tahb@toaan.gov.vn.

Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình trân trọng cảm ơn sự phối hợp trong công tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP .

THẨM PHÁN

Lê Văn Lương

TỔNG LÃNH SỰ QUÁN VIỆT
NAM TẠI SAN FRANCISCO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1234/CV-LS
V/v niêm yết công khai văn bản tố tụng

Ca-li-pho-ni-a, ngày 20 tháng 6 năm 2017

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ NIÊM YẾT CÔNG KHAI VÀ CÔNG BỐ TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Xan Phran-xít-xcô, Hoa Kỳ trân trọng thông báo tới Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình về kết quả niêm yết công khai và thông báo trên công thông tin điện tử về việc giải quyết vụ án dân sự như sau:

1. Ngày 15 tháng 5 năm 2017 Tổng Lãnh sự quán đã nhận được Công văn số: 123/TAND-CV ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đề nghị niêm yết công khai văn bản tố tụng và thông báo trên công thông tin điện tử về việc giải quyết vụ án tranh chấp về quyền sở hữu tài sản giữa:	
Ông Trần Văn A (Nguyên đơn)	Địa chỉ: 25 Cù Chính Lan, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.
Và	
Ông Trần Văn B (Bị đơn)	Địa chỉ: 16670 Century Plant Road, Apple Valley, California, 92307, United States.
2. Ngày 18 tháng 5 năm 2016, Tổng Lãnh sự quán đã tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng và thông báo trên công thông tin điện tử của cơ quan về việc giải quyết vụ án dân sự giữa hai đương sự nêu trên. Thời gian niêm yết công khai tại trụ sở của Tổng lãnh sự: từ ngày 18 tháng 05 năm 2017 đến ngày 18 tháng 6 năm 2017. Thời gian thông báo trên công thông tin điện tử của Tổng Lãnh sự: từ ngày 18 tháng 05 năm 2017 đến ngày 18 tháng 6 năm 2017.	
3. Kết quả	
<input type="checkbox"/>	Đương sự không đến Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/ Lãnh sự quán (42) nhận văn bản tố tụng
<input type="checkbox"/>	Đương sự đã đến Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/ Lãnh sự quán (44) nhận văn bản tố tụng
Giấy tờ gửi kèm: (45)	TL.TỔNG LÃNH SỰ TÙY VIÊN LÃNH SỰ Nguyễn Văn Nam

**Văn bản đề nghị thông báo trên cổng thông tin điện tử của
cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận**

*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số /2017/TTLT/TANDTC-BNG
ngày tháng năm 2017 của Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Ngoại giao quy định về việc phối
hợp giữa tòa án nhân dân và cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài để tổng đạt văn
bản tố tụng cho đương sự ở nước ngoài trong các vụ việc dân sự và vụ án hành chính)*

TÒA ÁN NHÂN DÂN (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TAND-CV

V/v niêm yết công khai văn bản tố tụng

(3)....., ngày tháng năm

(4) Kính gửi: Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/Lãnh sự quán Việt Nam tại nước....

Tòa án nhân dân (5) đang giải quyết vụ án ly hôn giữa nguyên đơn là (7), và bị đơn là (8).

Ngày...tháng...năm...Tòa án nhân dân (10) đã có Công văn số.../TAND-CV gửi kèm hồ sơ đề nghị Quý cơ quan tổng đạt cho đương sự là (11).

Ngày...tháng...năm...Tòa án nhân dân (12) nhận được Thông báo số....ngày...tháng...năm của Quý cơ quan về việc không thực hiện được việc tổng đạt cho đương sự với lý do (13).

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự (13) Tòa án nhân dân (14) đề nghị Quý cơ quan thông báo về việc giải quyết vụ án ly hôn giữa nguyên đơn là (15) và bị đơn là (16) trên cổng thông tin điện tử của mình. Hết thời hạn 01 tháng, kể từ ngày thông báo, đề nghị Quý cơ quan gửi thông báo kết quả công việc đã thực hiện cho Tòa án theo địa chỉ (17).

Trong trường hợp Quý cơ quan cần biết thêm thông tin chi tiết, thì có thể liên hệ theo số điện thoại (18); số Fax (19) và email (20).

Tòa án nhân dân (21) trân trọng cảm ơn sự phối hợp trong công tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP .

THẨM PHÁN (22)

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM (23)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐSQ-CV

V/v tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự

(24)....., ngày tháng năm

KẾT QUẢ CÔNG BỐ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/ Lãnh sự quán Việt Nam tại (25) trân trọng thông báo tới Tòa án nhân dân (26) kết quả thông báo trên công thông tin điện tử việc giải quyết vụ án ly hôn (27) như sau:

1. Ngày...tháng....năm...(28) Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/ Lãnh sự quán (29) đã nhận được Công văn số /TAND-CV ngày...tháng...năm...của Tòa án nhân dân (30) đề nghị thông báo trên công thông tin điện tử về việc giải quyết vụ án ly hôn giữa:	
Ông/Bà (31)	Địa chỉ: (32)
Và	
Ông/Bà (33)	Địa chỉ: (34)
2. Ngày....tháng....năm....(35) Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/ Lãnh sự quán (36) đã tiến hành thông báo trên công thông tin điện tử của cơ quan về việc giải quyết vụ án ly hôn giữa các đương sự nêu trên. Thời gian thông báo: từ ngày...tháng...năm...đến ngày...tháng... năm....(37). Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/ Lãnh sự quán (38) gửi lại thông báo này cho Tòa án nhân dân (39) để giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam.	
Giấy tờ gửi kèm: (40)(41) Chữ ký, họ tên người ký và đóng dấu Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán/Lãnh sự quán (42)

Hướng dẫn sử dụng Mẫu số 03

Việc lập văn bản theo Mẫu số 03 tương tự cách thức lập văn bản theo Mẫu số 01. Khi lập Công văn đề nghị công bố việc giải quyết vụ án ly hôn theo Mẫu số 03, Tòa án điền mục số (13) theo một trong các lý do sau: Địa chỉ của đương sự không đúng; Địa chỉ không có thật; Đương sự đã chuyển đến địa chỉ mới nhưng không rõ địa chỉ mới.

Khi lập Thông báo kết quả công bố việc giải quyết ly hôn trên công thông tin điện tử theo Mẫu số 03, Tòa án điền sẵn các mục (23), (25), (26), (27), (29), (30), (31), (32), (33), (34), (36), (37), (38), (39). Các mục còn lại (24), (28), (35), (37), (40), (41), (42) do cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài điền sau khi thực hiện công việc mà Tòa án đề nghị.

MẪU SỐ 04 VĂN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 123/TA-TB

Hòa Bình, ngày 18 tháng 04 năm 2017

V/v niêm yết công khai văn bản tố tụng

THÔNG BÁO NIÊM YẾT CÔNG KHAI VĂN BẢN TỐ TỤNG

Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, Việt Nam đang giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm (Số thụ lý: 05/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 03 năm 2017) về tranh chấp quyền sở hữu tài sản giữa nguyên đơn là Ông Trần Văn A, thường trú tại 25 Cù Chính Lan, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình với bị đơn là Ông Trần Văn B, cư trú tại 16670 Century Plant Road, Apple Valley, California, 92307, United States.

Ngày 25 tháng 03 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, Việt Nam đã gửi văn bản Thông báo thụ lý vụ án cho Ông Trần Văn B thông qua Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Xan Phran-xít-xcô, Hoa Kỳ.

Ngày 15/04/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình nhận được văn bản của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Xan Phran-xít-xcô, Hoa Kỳ và tổ chức buro chính tại Ca-li-pho-ni-a, Hoa Kỳ xác nhận không giao được hồ sơ cho Ông Trần Văn B với lý do Ông Trần Văn B đã chuyển đến địa chỉ mới nhưng không rõ địa chỉ mới.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự của Nước CHXHCN Việt Nam, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, Việt Nam niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án giữa nguyên đơn là Ông Trần Văn A và bị đơn là Ông Trần Văn B tại trụ sở của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Xan Phran-xít-xcô, Hoa Kỳ. Thông báo này được đồng thời công bố trên Cổng thông tin điện tử của của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Xan Phran-xít-xcô, Hoa Kỳ.

Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày niêm yết, đề nghị Ông Trần Văn B đến trụ sở của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Xan Phran-xít-xcô, Hoa Kỳ để nhận Thông báo thụ lý vụ án và gửi ý kiến của mình cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có) cho Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, Việt Nam theo địa chỉ: Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, số 105, đường Trần Hưng Đạo, phường Phương Lâm, thành phố Hoà Bình.

Nếu hết thời hạn nêu trên, Ông Trần Văn B không đến Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Xan Phran-xít-xcô, Hoa Kỳ nhận Thông báo thụ lý vụ án, thì Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, Việt Nam giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Để biết thêm thông tin chi tiết, Ông Trần Văn B có thể liên hệ với Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình theo số điện thoại: +84.218. 3853309 (đ/c Lê Văn Lương); số máy Fax: +84.218. 3853308 và email: tahb@toaan.gov.vn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP .

THẨM PHÁN

Lê Văn Lương

